

# Bài học về quản lý tín dụng đen cho Việt Nam từ kinh nghiệm của Trung Quốc

Nguyễn Văn Hà  
Nguyễn Thị Việt Hà  
Nguyễn Lê Ngọc Sơn  
Lưu Thanh Ly

Ngày nhận: 23/07/2018

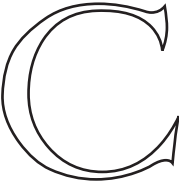
Ngày nhận bản sửa: 24/07/2018

Ngày duyệt đăng: 25/07/2018

*Tín dụng đen gồm những hoạt động cho vay tín dụng dưới chuẩn, không qua hệ thống ngân hàng, trong đó người cho vay thực hiện những hành vi phi đạo đức và/hoặc trái pháp luật nhằm mục đích tư lợi cá nhân và thường gây ra hậu quả nghiêm trọng tới người đi vay. Tại Việt Nam, tín dụng đen gây ra không ít hệ lụy cho xã hội như: lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm tín dụng đen với mức đáng báo động. Theo ước tính trung bình có 10.000 vụ/năm, mỗi ngày có 29 vụ và mỗi giờ làm việc có 3,6 vụ vi phạm liên quan đến tín dụng đen được phát hiện tại Việt Nam. Bài nghiên cứu này làm rõ những kinh nghiệm quản lý tín dụng đen của Trung Quốc để rút ra bài học phù hợp cho Việt Nam nhằm đối phó với những bất cập mà hoạt động này gây ra cho xã hội và nền kinh tế.*

*Từ khoá: Tín dụng đen, vay nặng lãi*

## 1. Giới thiệu về tín dụng đen

 Cho đến nay, tín dụng đen nhìn chung được mô tả dưới dạng các hoạt động cho vay nặng lãi, thường nhắm đến các đối tượng dễ bị tổn thương và dẫn đến tổn thất cá nhân nghiêm trọng như phá sản, nghèo đói

và bị tịch thu nhà cửa (Engel et al., 2001). Hành vi cho vay được cho là tín dụng đen nếu người cho vay hoặc môi giới có những hành vi như: lợi dụng điểm yếu của người đi vay bằng cách tính phí rất cao nhưng không tương xứng với rủi ro phải chịu; cho vay vốn ngay cả khi đã biết người đi vay sẽ không thể hoàn trả; hoặc thay đổi các điều khoản

cho vay không báo trước, dẫn tới sự hiểu lầm giữa hai bên (Demyanyk, 2006). Tín dụng đen xảy ra khi người cho vay sử dụng những chiến thuật phi đạo đức và/hoặc bất hợp pháp nhằm đem đến những khoản vay dưới chuẩn cho những cá nhân ngay cả khi họ có đủ điều kiện cho những khoản vay chính thức (Ferguson, 2000). Theo (Schmulow, 2017), tín

dụng đen bao gồm ít nhất hai trong số các đặc điểm sau: Các khoản cho vay gây thiệt hại nghiêm trọng cho người tiêu dùng; các khoản vay liên quan đến gian lận và lừa đảo; các trường hợp thiếu minh bạch khác; và yêu cầu người tiêu dùng phải tự nguyện từ bỏ các quyền lợi hợp pháp của họ. Hiện chưa có một định nghĩa thống nhất về tín dụng đen mà cụm từ này thường được sử dụng để mô tả thực trạng hành vi của những người cho vay phi đạo đức hoặc bất hợp pháp. Vì vậy, tín dụng đen có thể được hiểu là những hành vi cho vay dưới chuẩn, khi người cho vay đưa ra mức lệ phí và lãi suất lớn hơn gấp nhiều lần so với rủi ro từ người đi vay.

Tại Việt Nam, nhiều khách hàng vay tiền từ tín dụng đen không thể trả được lãi và gốc của những khoản vay bởi lãi suất cho vay rất cao và những hệ lụy đi kèm. Theo số liệu của Bộ Công an, từ 2010-2014 tại Việt Nam đã xảy ra 6.376 vụ việc tín dụng đen dẫn đến 41 vụ giết người, 318 vụ cố ý gây thương tích, 2.496 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 1.707 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đó là chưa kể đến các vụ “giật hụi” xảy ra tại nhiều địa phương. Theo Tổng cục Phòng chống tội phạm (Bộ Công an), giai đoạn 2010-2014, có khoảng 49.000 vụ việc liên quan đến tội phạm tín dụng đen được phát hiện. Như vậy, trung bình có 10.000 vụ/năm, mỗi ngày có 29 vụ và mỗi giờ làm việc có 3,6 vụ tín dụng đen được

phát hiện tại Việt Nam. Từ thực trạng tín dụng đen thời gian qua, cần thiết phải đặt ra câu hỏi về tính hiệu quả và khả năng phổ cập của hệ thống tài chính quốc gia. Các tổ chức tài chính Việt Nam đã chưa thể đảm đương được vai trò cung cấp hiệu quả vốn cho nhu cầu của xã hội. Điều này cũng được chứng minh trong báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu 2015-2016, một trong các lĩnh vực mà Việt Nam được đánh giá thấp là phát triển thị trường tài chính, xếp hạng 84/140 nền kinh tế trong toàn cầu (Vương Đình Huệ, 2016). Cũng theo thống kê của Ngân hàng Thế giới (WB), số người trưởng thành ở Việt Nam có tài khoản và sử dụng dịch vụ tài chính tại Việt Nam còn quá thấp, chiếm khoảng 31% năm 2013, trong khi trung bình thế giới là 62%. Riêng tỷ lệ dân cư vay vốn tại các tổ chức tín dụng (TCTD) chính thức thấp hơn, chỉ khoảng 18%. Từ những phân tích nêu trên, bài nghiên cứu này mong muốn từ những kinh nghiệm quản lý tín dụng đen của Trung Quốc để rút ra bài học phù hợp cho Việt Nam nhằm đối phó với những bất cập mà hoạt động này gây ra cho nền kinh tế.

## **2. Đặc điểm của tín dụng đen**

Tín dụng đen thuộc về tập hợp các khoản cho vay dưới chuẩn, và chỉ xảy ra khi những người cho vay có hành vi lạm dụng những người đi vay để bị tổn thương. Trong

đó, người cho vay thực hiện những hành vi phi đạo đức và/hoặc trái pháp luật nhằm mục đích tư lợi cá nhân và thường gây ra hậu quả nghiêm trọng tới người đi vay (Reynolds, 2005).

Tín dụng đen gồm những hoạt động cho vay tín dụng không qua hệ thống ngân hàng, và không chịu sự quản lý chính thức bởi các cơ quan quản lý Nhà nước. Giao dịch tín dụng đen là giao dịch ngầm, nội bộ, có lãi suất huy động và cho vay cao, trong khi thủ tục thực hiện đơn giản so với các hoạt động tín dụng ngân hàng chính thức.

Các hành vi cho vay của tín dụng đen thường phức tạp và nhắm tới những nhóm người dễ bị tổn thương và gây thiệt hại nặng nề cho người đi vay khi đối mặt với nguy cơ phá sản, nghèo đói và tịch thu tài sản.

Tín dụng đen thường cho vay với mức lãi suất cao quá mức, cho vay không tính toán đến khả năng trả nợ, tái cấp vốn vay trong một khoảng thời gian ngắn mà không chú ý tới lợi ích kinh tế từ người đi vay, thực hiện các hành vi gian lận hoặc giả mạo- ví dụ như giả mạo giấy tờ hoặc cố tình cung cấp thông tin sai cho người đi vay (Schmulow, 2017).

Đối với các khoản vay của tín dụng đen, chi phí mà người đi vay phải bỏ ra không tương xứng với chi phí và rủi ro của người cho vay. Các khoản vay này có các đặc điểm sau: (1) Lãi suất và lệ phí mà khách hàng phải trả cao hơn mức yêu cầu để bù đắp rủi ro khi cho

vay; (2) chứa các điều khoản nhằm buộc người đi vay phải chịu nợ chồng chất; (3) người cho vay không tính đến khả năng trả nợ của người đi vay; và/hoặc (4) yêu cầu người đi vay phải từ bỏ các quyền lợi pháp lý.

Các tổ chức cung cấp tín dụng đen bao gồm các TCTD nhỏ, hiệu cầm đồ... Các hoạt động này được coi là hoạt động tín dụng phi chính thức và không bị kiểm soát.

Khách hàng của tín dụng đen là những khách hàng cá nhân, các công ty tư nhân nhỏ, hộ kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ hoặc những khách hàng không đủ tài sản thế chấp để vay ngân hàng và thủ tục quá rườm rà, quá lâu so với nhu cầu cấp bách của họ. Họ cần tiền và nhu cầu khi cần rất gấp nên họ tìm đến những người cho vay phi chính thức.

### 3. Kinh nghiệm quản lý tín dụng đen của Trung Quốc

Tại Trung Quốc, tín dụng đen thường được biết đến là các hoạt động bên ngoài hệ thống ngân hàng, thường xuyên tham gia như các trung gian tín dụng với các chức năng thanh khoản và chuyển đổi tín dụng, có thể sẽ tạo ra rủi ro hệ thống hoặc chênh lệch giá quy định (FSB, 2012). Các tổ chức tài chính phi ngân hàng chiếm khoảng 20% tổng tài sản hệ thống ngân hàng Trung Quốc, tương đương 4,3 nghìn tỷ USD và đang phát triển với tốc độ đáng kinh ngạc, thách thức sự thống trị của ngân hàng truyền thống (Jonathan

Manthorpe, 2014).

Các TCTD đen không phải là ngân hàng thương mại (NHTM), nên không bị quản lý, giám sát như các NHTM mà chịu sự giám sát của luật pháp về tài chính, quản lý thị trường tài chính và công cụ tài chính phái sinh như các công ty tài chính, quỹ đầu cơ tín dụng, quỹ tương hỗ thị trường tiền tệ, công ty cho vay bảo đảm, tổ chức kinh doanh được chính phủ bảo trợ (GSEs) nên ít rủi ro hơn. Nhưng khi các thực thể cung cấp dịch vụ tín dụng đen là các cá nhân thì hoạt động này tiềm ẩn rủi ro lớn vì người cho vay có khả năng bị quỵ nợ.

*Mặc dù vậy*, tín dụng đen cũng đóng một vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, đặc biệt đáp ứng nhu cầu về vốn cho các công ty tư nhân và là nơi các nhà đầu tư cá nhân tìm đến để chống lại lạm phát. Tín dụng đen đã cung cấp cho nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa kẹt tiền, cần nhiều vốn nhưng bị từ chối bởi các ngân hàng thông thường có cơ hội để tiếp cận nguồn vốn. Vì tín dụng chính thống bị thắt chặt, lãi suất bị giữ ở mức thấp khiến khách hàng phải đi tìm các sản phẩm tài chính hấp dẫn hơn. Trong khi ngân hàng ưu tiên cho vay doanh nghiệp nhà nước và tư nhân có quan hệ tốt cũng khiến các công ty nhỏ phải tìm đến các hoạt động tín dụng phi chính thức. Chính phủ Trung Quốc đã chính thức công nhận vai trò quan trọng của ngành ngân hàng ngầm trong đó có tín dụng đen trong nền kinh tế,

nhưng đã có những phương thức quản lý để hạn chế rủi ro đến từ tín dụng đen như sau:

*Tự do hóa lãi suất:* Việc dỡ bỏ các quy định về lãi suất là một bước đi quan trọng đang được thực hiện. Trước đây, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) đã áp đặt quy định về trần và sàn lãi suất với các khoản tín dụng của ngân hàng đã dẫn đến sự gia tăng của hoạt động tín dụng đen.

Năm 2012, PBOC đã công bố bãi bỏ quy định trần và sàn lãi suất, nói lỏng quy định về lãi suất tham chiếu nhằm nâng cao tính cạnh tranh của các ngân hàng và tăng quyền chọn cho khách hàng. Các ngân hàng thế mạnh về mạng lưới và nguồn vốn rẻ sẽ tận dụng được lợi thế tự do hóa lãi suất tiếp cận nhiều khách hàng hơn dẫn đến thu hẹp được hoạt động tín dụng đen. Kết quả cho thấy tăng trưởng cho vay mới bằng NDT trong tháng 02/2015 đã cao hơn dự đoán.

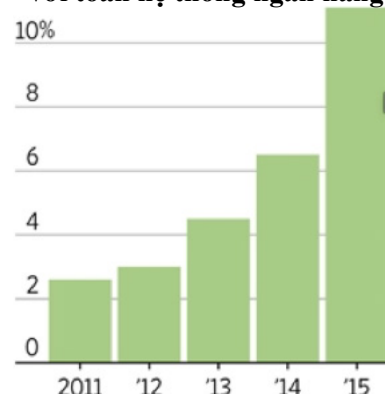
*Giám sát các sản phẩm quản lý tài sản:* Các sản phẩm quản lý tài sản giúp các ngân hàng duy trì tiền gửi, chứng khoán hóa tài sản, giảm tỷ lệ bất buộc về an toàn vốn tối thiểu và tăng thu phí... Trong khi các sản phẩm tài chính có đảm bảo được ghi trong bảng cân đối tài sản của các ngân hàng thì các sản phẩm không được đảm bảo lại được hạch toán ngoại bảng, việc tăng cường theo dõi, giám sát giúp phát hiện các khoảng tối của chúng tốt hơn, ngăn chặn các ngân hàng chứng khoán hóa các khoản nợ xấu thành các sản phẩm tài sản không đảm bảo.

Đến tháng 02/2015, những khoản tài trợ vốn ngoài bảng đã giảm xuống còn 5,2%. Ngân hàng ANZ đánh giá những số liệu trên cho thấy công cụ đòn bẩy tài chính đã giảm nhanh trong hoạt động của hệ thống ngân hàng ngầm trong đó có tín dụng đen.

*Truy quét các hoạt động ngân hàng ngầm trong danh mục cấm:* Trong tháng 4/2015, Bộ Công an đã phối hợp với PBOC, Cục Quản lý ngoại hối tổ chức một đợt truy quét hoạt động chuyển tiền trái phép của các “ngân hàng ngầm” và các công ty đặt ở nước ngoài. Công an các tỉnh, thành phố như Quảng Đông, Thượng Hải, Liêu Ninh, Triết Giang, Tân Cương đã liên tiếp phá được một loạt vụ án nghiêm trọng. Tính đến cuối năm 2016, Công an Trung Quốc đã phá vỡ 66 “ngân hàng ngầm”, bắt hơn 160 kẻ tình nghi phạm tội, tổng số tiền liên quan lên tới 430 tỷ NDT. Tuy nhiên, đơn vị này cũng nhận định, mặc dù các đợt truy quét các hoạt động “ngân hàng ngầm” trái phép (trong đó có tín dụng đen) vừa qua đã đạt được thành quả bước đầu, nhưng tình hình hoạt động phạm tội về tiền tệ vẫn rất gay gắt, phức tạp, địa bàn phạm tội hiện đang có xu thế lan rộng. Ủy ban Kiểm soát Ngân hàng Trung Quốc (CBRC) đã đưa ra một bản dự thảo luật nhằm kiểm soát việc kinh doanh các dịch vụ quản lý tài sản đặt ra tiêu chuẩn cho các khách hàng muốn dùng các dịch vụ này hạn chế các dạng tài sản rủi ro khi theo Moody’s, tổng

**Biểu đồ 1. Bong bóng rủi ro của tín dụng đen tại Trung Quốc**  
**Tổng tài sản của tín dụng đen**      **Tỷ trọng của tín dụng đen so với toàn hệ thống ngân hàng**

*Đơn vị: triệu NDT*



*Nguồn: Wall Street Journal*

số tài sản ở Trung Quốc được bơm vào các dịch vụ này đã tăng lên 7 lần, đạt mức 3.200 tỷ USD, chiếm phần lớn nhất trong các hoạt động “tín dụng đen” tại nước này. Theo *Wall Street Journal*, lượng tài sản nằm trong các dịch vụ quản lý tài sản ở Trung Quốc đã gia tăng cực mạnh trong thời gian gần đây. Những nỗ lực này gửi một thông điệp mạnh mẽ về quyết tâm của Bắc Kinh để tẩy sạch hệ thống tài chính đang có quá nhiều rủi ro. Kết quả của thắt chặt quản lý các hoạt động cho vay tại Trung Quốc đã làm tổng tài sản ngân hàng “ngầm” tăng trưởng chỉ khoảng 1/10 của năm 2016, theo ước tính của Moody’s.

**4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quản lý tín dụng đen**

Qua nghiên cứu những thành công của Trung Quốc trong quản lý hoạt động tín dụng đen, có thể đưa ra một số bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong quản lý hoạt

động tín dụng đen để phát huy những lợi ích và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hoạt động này tại Việt Nam như sau:

*Thứ nhất, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng để phát huy vai trò kênh dẫn vốn đến các đối tượng có nhu cầu.* Để hạn chế các tín dụng ngoài luồng, đối với hệ thống ngân hàng, cần có các giải pháp cụ thể để quản lý, cải thiện và đa dạng hóa dịch vụ cho vay của ngân hàng, hợp lý hóa chi phí vận hành, tinh giản, gọn nhẹ; nâng cao năng lực của cán bộ tín dụng và nỗ lực làm cho dịch vụ và các sản phẩm ngân hàng thân thiện hơn với người dân. Hệ thống ngân hàng cần được tái cấu trúc để trở thành kênh trung gian vốn cho nền kinh tế hoạt động ngân hàng ngầm, tín dụng đen ở Việt Nam.

*Thứ hai, Chính phủ cũng cần có các giải pháp cụ thể để kiểm soát các hoạt động tín dụng đen.* Chính phủ cần kiểm soát chặt chẽ hơn việc đảm bảo thực thi pháp luật trong lĩnh vực cho vay của các TCTD, đồng thời có các

văn bản, tiêu chuẩn hướng dẫn việc đánh giá và quản trị rủi ro một cách hiệu quả. Chính phủ cần tăng cường khung giám sát đối với các trung gian tài chính phi ngân hàng tăng mức an toàn, nhằm giảm tác động xấu đến thị trường tài chính và nền kinh tế khi các trung gian tài chính phi ngân hàng mất khả năng thanh khoản hoặc phá sản.

Chính phủ cũng cần tăng cường kiểm soát hoạt động của các tổ chức tài chính nhỏ như các tiệm cầm đồ, các nhóm hội, hoặc các quỹ tự phát... Đảm bảo kiểm soát và hạn chế những hiện tượng lợi dụng sự thiếu hiểu biết của khách hàng hoặc gây sức ép trong trường hợp khách hàng có nhu cầu khẩn cấp để đưa ra những điều khoản có khả năng gây bất lợi, rủi ro cho khách.

*Thứ ba, cần thay đổi nhận thức về tính hiệu quả, tính mục đích của các hoạt động tín dụng đen.* Bên cạnh, những rủi ro từ những cá nhân, tổ chức cung cấp tín dụng đen có thể gây ra, thì các đơn vị này cũng là một trong những nguồn cung tài chính cho những đối tượng khách hàng khó có khả năng tiếp cận, đáp ứng yêu cầu của các tổ chức tài chính chính thống.

*Thứ tư, khuyến khích phát triển các tổ chức tài chính vi mô.* Các tổ chức tài chính vi mô quyết định lãi suất cho vay theo đối tượng khách hàng. Những khoản vay nhỏ, rủi ro lớn thường được tính lãi suất cao hơn còn những khoản vay lớn, rủi ro thấp được tính lãi suất thấp hơn.

Hoạt động tài chính vi mô không phải là hoạt động từ thiện bắt buộc cần có sự tham gia của khu vực nhà nước. Hoạt động tài chính vi mô cũng cần áp dụng các nguyên tắc kinh doanh theo hướng bù đắp chi phí và có lãi. Hoạt động tài chính vi mô phục vụ cho người thu nhập thấp và các doanh nghiệp nhỏ nên cần có cái nhìn đúng đắn về vị trí của tài chính vi mô trong hệ thống tài chính quốc dân.

Để phát triển các tổ chức tài chính vi mô, các cơ quan quản lý Nhà nước cần tạo điều kiện môi trường chính sách, khung pháp lý hiệu quả nhằm phát triển ngành tài chính vi mô theo hướng bền vững, mở thêm nhiều hướng tiếp cận mới và tuân thủ theo định hướng thị trường; Phối hợp với chính quyền địa phương, cơ sở và các tổ chức chính trị xã hội nhằm phát triển hoạt động tài chính vi mô bền vững; Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò và hiệu quả của hoạt động tài chính vi mô; Tăng cường hoạt động quản lý thanh tra, giám sát với hoạt động tài chính vi mô; Triển khai các hoạt động trong khuôn khổ chiến lược phát triển ngành, đề án phát triển toàn hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam và thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi của các tổ chức tài chính vi mô bán chính thức thành tổ chức tài chính vi mô chính thức. Đối với các tổ chức tài chính vi mô, cần nâng cao công tác quản trị, điều hành ngay tại tổ chức tài chính

vi mô; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường minh bạch thông tin các sản phẩm dịch vụ cung ứng và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của khách hàng; Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, nâng cao chất lượng sản phẩm cung ứng đến khách hàng; Gia tăng mối liên kết giữa các tổ chức tài chính vi mô và các tổ chức tài chính khác; Cung cấp đi kèm các sản phẩm dịch vụ tài chính là sản phẩm dịch vụ phi tài chính và thực hiện các đánh giá về hiệu quả xã hội ngay trong các tổ chức tài chính vi mô. Đối với các nhà tài trợ và các nhà đầu tư: Hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam vẫn rất cần sự hỗ trợ của các nhà tài trợ, nhà đầu tư nhằm phát triển dài hạn như: hỗ trợ chi phí đào tạo để nâng cao năng lực quản trị điều hành, cho vay ưu đãi, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, nâng cấp phần mềm ứng dụng cho hoạt động tài chính vi mô, nghiên cứu và phát triển thị trường sản phẩm, đầu tư dài hạn, góp vốn liên doanh... Đối với các tổ chức hỗ trợ phát triển tài chính vi mô: Phát triển mạng lưới các tổ chức tổ chức tài chính vi mô Việt Nam và liên kết các tổ chức tổ chức tài chính vi mô Việt Nam với mạng lưới tổ chức tài chính vi mô thế giới đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển bền vững của hệ thống tổ chức tài chính vi mô Việt Nam.

*Thứ năm, kiểm soát chặt chẽ và liên tục các hoạt động, dịch vụ và đối tượng cho vay nặng lãi.* Hiện nay theo quy

định của khoản 1 Điều 476 Bộ Luật Dân sự 2005 về lãi suất thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) công bố đối với loại cho vay tương ứng; Điều

163 Bộ luật Hình sự, việc cho vay nặng lãi sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi (i) lãi suất cho vay cao hơn mức lãi suất theo quy định 10 lần và (ii) có tính chất chuyên bóc lột được hiểu là người phạm tội lợi dụng hoàn cảnh khó

khăn, quần bách của người đi vay để cho vay với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính mà thực chất là bóc lột người đi vay. Các quy định về lãi suất cho vay cầm đồ trước đây có thông tư liên bộ của NHNN-

*xem tiếp trang 79*

### Tài liệu tham khảo

1. Demyanyk, Y. (2006). *Income Inequality: Time for Predatory Lending Laws*.
2. (Engel et al., 2001). *A Tale of Three Markets: The Law and Economics of Predatory Lending*.
3. Ferguson, A. B. (2000). *Predatory Lending: Practices, Remedies and Lack of Adequate Protection for Ohio Consumers*.
4. TS. Nguyễn Văn Hà, TS. Trần Thị Xuân Anh (2016). *Hoạt động tài chính ngầm- tác động của nó tới an toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam*.
5. Reynolds, D. (2005). *Predatory Lending in Oregon: Does Oregon Need an Anti-Predatory Lending Law, or Do Current Laws and Remedies Suffice*.
6. Schmulow, A. D. (2017). *Curbing Reckless and Predatory Lending: A Statutory Analysis of South Africa's National Credit Act*.

### Thông tin tác giả

**Nguyễn Văn Hà**, Tiến sĩ  
Trưởng khoa Quản trị Kinh doanh, Học viện Ngân hàng  
Email: hanv@hvn.edu.vn

**Nguyễn Thị Việt Hà**, Tiến sĩ  
Phó Trưởng bộ môn Khởi sự kinh doanh, Khoa Quản trị kinh doanh, Học viện ngân hàng  
Email: hantv@hvn.edu.vn

**Nguyễn Lê Ngọc Sơn**  
Học viện ngân hàng  
Email: sonson1996@gmail.com

**Lưu Thanh Ly**  
Khách sạn Rendezvous Hà Nội  
Email: customercare@hanoirendezvoushotel.com

### Summary

#### The lesson of predatory lending management for Vietnam from China's experience

Predatory lending includes subprime lendings which are not under the supervision of banking system, in which the lenders carry out unethical and/or illegal acts for personal gains and often cause serious consequences for the borrowers. In Vietnam, predatory lending has caused a number of social problems such as frauds, property misappropriation, and predatory crimes. It is estimated that there are an average of 10,000 cases per year, which are 29 cases per hour or 3.6 cases per hour related to predatory lending discovered in Vietnam. This study highlights China's predatory lending management system to draw lessons that are relevant to Vietnam in order to address the shortcomings that this phenomenon has caused to society and the economy.

Keywords: predatory lending, subprime..

**Ha Van Nguyen**, PhD.  
Dean of Business Administration Faculty, Banking Academy

**Ha Thi Viet Nguyen**, PhD.  
Deputy Head of Business Start up Division, Business Administration Faculty, Banking Academy

**Son Le Ngoc Nguyen**  
Banking Academy

**Ly Thanh Luu**  
Hanoi Rendezvous Hotel

mục tiêu phát triển khoa học công nghệ để phát triển kinh tế của quốc gia đó. Thông qua việc phát triển khoa học công nghệ, đặc biệt lĩnh vực công nghệ cao, sẽ giúp các lĩnh vực có liên quan có sự phát triển

về trình độ và năng suất lao động. Tại Việt Nam, làn sóng cách mạng công nghiệp 4.0 đang được triển khai rầm rộ tại các lĩnh vực trong nền kinh tế, với sự tham gia của tất cả các bộ, ngành. Nhưng thực tế

tại các quốc gia cho thấy, lĩnh vực nên đầu tư trọng tâm là lĩnh vực phần mềm, bởi nó có thể tận dụng được tiềm năng trí tuệ của người Việt Nam, mà không cần đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị quá lớn. ■

### Tài liệu tham khảo

1. Black, B. S., & Gilson, R. J. (2000). *Does Venture Capital Require an Active Stock Market?* SSRN Electronic Journal.
2. Đào Lê Minh. (2003). *Quyển đầu tư mạo hiểm và khả năng hình thành, phát triển ở Việt Nam. Đề Tài Nghiên Cứu Khoa Học Cấp Bộ.*
3. Lin, L. (2015). *Re-engineering a Venture Capital Market: The Case of China. NUS Working Paper 2015/007 NUS Centre for Law & Business Working Paper 15/04.*
4. Lin, L. (2016). *Venture Capital and the Structure of Stock Market: Lessons from China. NUS Centre for Banking & Finance Law Working Paper.*
5. Poterba, J. (1989). *Venture capital and capital gains taxation. Tax Policy and the Economy, 3, 47-67.*

### Thông tin tác giả

**Phạm Tiến Mạnh**, Thạc sĩ  
 Khoa Tài chính, Học viện Ngân hàng  
 Email: manhpham@hvn.edu.vn

### Summary

#### Venture Capital Fund Development- Experiences from China and lessons for Vietnam

In any nations, venture capital plays an important role in the development process, enabling firms with risk and new ideas to access capital and management experiences from individual and organizational investors at home and abroad. Vietnam is in the process of moving towards the 4.0 Industrial Revolution, which is necessary to mobilize capital through venture capital funds. Therefore, it is essential to learn from the experiences of successful countries with similar economic, political and social conditions. By learning from Chinese counterparts, we will have a better overview of the formation and development of venture capital fund in this country, as well as have the lessons for Vietnam.

Keywords: Venture Capital Fund, Vietnam.

**Manh Tien Pham**, Fellows  
 Faculty of Finance, Banking Academy

tiếp theo trang 70

Thương mại số 02/TT/LB ngày 3/10/1995 nhưng nay đã hết hạn. Vì vậy, chính phủ cần có những quy định cụ thể về lãi suất cho vay của dịch vụ rất phổ biến ở Việt Nam này.

### 5. Kết luận

Từ kinh nghiệm quản lý hoạt động tín dụng đen tại Trung Quốc cho thấy, để hạn chế

những rủi ro của hoạt động này tại Việt Nam thì việc tăng cường điều tiết, kiểm soát hoạt động tín dụng đen. Tuy nhiên, chính phủ Việt Nam cũng nên thận trọng không tạo ra quá nhiều rào cản và hạn chế hệ thống này bởi quá nhiều quy định có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các tổ chức cho vay khác (như một số các ngân hàng nước ngoài)

trong bối cảnh các hoạt động tín dụng đen đã thận trọng và khôn ngoan hơn trong các hoạt động cho vay. ■